

Bản án số: 772/2023/DS-PT  
Ngày: 26/7/2023  
Về việc “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng  
2. Bà Phạm Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2023/TLPT-DS ngày 29/5/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2718/2023/QĐXXPT-DS ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 59A/3 tổ B, khu A, ấp NH1, xã BA, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thu V, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PL2, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: 90 LDC, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc K, sinh năm 1965 (vắng mặt) và bà Tống Thị Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quốc K: Bà Tống Thị Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 8.03A chung cư RG, số HA NSS, Phường M5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị Thu V là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thùy T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ủy quyền cho bà Đinh Thị Thu V trình bày:

Ngày 25/7/2016, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Quốc K, bà Tống Thị Q có ký với nhau Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm, được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 013275, quyển số 03TP/CC với nội dung: bà Nguyễn Thị Thùy T cho ông Lê Quốc K và bà Tống Thị Q vay số tiền 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày 25/7/2016, lãi suất vay 8%/năm. Thực hiện hợp đồng, bà T đã giao số tiền 2.300.000.000 đồng cho ông K và bà Q, hai bên có lập biên bản giao nhận tiền vay tuy nhiên bà T đã làm thất lạc biên bản này.

Ngày 17/7/2018, bà T và ông K, bà Q tiếp tục ký với nhau Hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm nêu trên để gia hạn thời hạn vay từ 02 năm lên 04 năm, kể từ ngày 25/7/2016. Từ ngày ký hợp đồng vay 25/7/2016 cho đến nay, ông K và bà Q thông qua Công ty Cổ phần Phát triển TN có chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền lãi của 06 tháng là 90.000.000 đồng và xác nhận với bà T rằng Công ty Cổ phần Phát triển TN là của vợ chồng ông bà.

Do ông K và bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T nhiều lần liên hệ, đề nghị ông K và bà Q thanh toán gốc và lãi, tuy nhiên ông K và bà Q không thực hiện theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký giữa hai bên. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K và bà Q trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 3.176.818.752 đồng, trong đó: bao gồm nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính là 876.818.752 đồng, trả 1 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tống Thị Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Quốc K trình bày:

Bà và ông K xác nhận có ký với bà Nguyễn Thị Thùy T Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm, được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 013275, quyển số 03TP/CC với nội dung đúng như bà T trình bày, tuy nhiên giữa 2 bên không hề có việc giao nhận số tiền 2.300.000.000 đồng. Bà và ông K cũng không trả cho bà T bất kỳ khoản tiền lãi nào kể từ ngày 25/7/2016. Trong Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm cũng có ghi rõ việc giao nhận tiền thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên và bà T cũng không đưa ra được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc có giao cho bà và ông K số tiền 2.300.000.000 đồng.

Do đó, bà và ông K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T trình bày là bà và ông K có trả lãi cho bà T thông qua Công ty Cổ phần

Phát triển TN là không đúng sự thật, vì bà và ông K không phải chủ của công ty và cũng không yêu cầu công ty thay mặt bà và ông K trả tiền cho bất kỳ ai. Bà và ông K không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc đưa Công ty cổ phần phát triển TN vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại bản án sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 06/4/2023, Tòa án nhân dân quận T đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm: Buộc ông Lê Quốc K và bà Tống Thị Q trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/4/2023 số tiền là 3.358.725.052đ (ba tỷ ba trăm năm mươi tám triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm năm mươi hai đồng), trong đó: bao gồm nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính là 1.058.725.052 đồng, trả 1 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.174.501đ (chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm lẻ một đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 47.768.190đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn một trăm chín mươi đồng) là tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0068469 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T còn phải nộp số tiền án phí là 51.406.311đ (năm mươi một triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn ba trăm mười một đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/4/2023, bà Đinh Thị Thu V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T nộp đơn kháng cáo đề ngày 16/4/2023 cho rằng, cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng không triệu tập Công ty Cổ phần phát triển TN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc không đưa Công ty Cổ phần phát triển TN tham gia tố tụng, khiến một số nội dung quan trọng của vụ án không được làm rõ. Đồng thời, Bản án sơ thẩm kết luận không có quan hệ vay tiền, không có việc giao nhận tiền giữa các bên là không khách quan, chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án cũng như lời khai của các bên đương sự. Do đó, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của khoản vay tạm tính đến ngày xét xử 06/4/2023 là 3.358.725.052 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T ủy quyền cho bà Đinh Thị Thu V đại diện, là người kháng cáo và bị đơn ông Lê Quốc K, bà Tống Thị Q (ông K ủy quyền cho bà Q đại diện) có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt người đại diện của nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Phát triển TN chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Thùy T, với nội dung “thanh toán lãi vay”, là giao dịch riêng giữa Công ty Cổ phần Phát triển TN với bà Nguyễn Thị Thùy T. Giữa ông K, bà Q và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô, không có mối quan hệ gì với nhau. Đồng thời, Công ty Cổ phần Phát triển TN có văn bản xác nhận không thay mặt cho ông K và bà Q trả lãi theo hợp đồng bà T đề cập. Ngoài ra, bị đơn cũng không thừa nhận trả tiền lãi cho nguyên đơn thông qua Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, do cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần Phát triển TN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh là nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 2.300.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn trả tiền số tiền nợ gốc và lãi của khoản vay tạm tính đến ngày xét xử 06/4/2023 là 3.358.725.052 đồng là không có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người kháng cáo bà Đinh Thị Thu V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 24/7/2023, bà Vân xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử ngày 26/7/2023. Bị đơn ông Lê Quốc K và bà Tống Thị Q (ông K ủy quyền cho bà Q đại diện) có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 26/7/2023. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Vân là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T và bị đơn ông K, bà Q (ông K ủy quyền cho bà Q đại diện) theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 28/9/2022, gửi Tòa án nhân dân quận T, Công ty Cổ phần Phát triển TNCó ý kiến như sau: Công ty chúng tôi là công ty cổ phần và ông Lê Quốc K và bà Tống Thị Q không phải là cổ đông của Công ty. Công ty chúng tôi không thay mặt ông K hay bà Q để trả lãi theo hợp đồng bà T đề cập. Hợp đồng vay mượn giữa cá nhân ông K, bà Q không liên quan đến công ty chúng tôi vì vậy kính đề nghị Tòa không triệu tập tham gia tố tụng (bút lục số 77).

[3] Xét, việc Công ty Cổ phần Phát triển TN chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Thùy T theo Sao kê tài khoản của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – VCB T Dương – PGD Đông D, ghi nội dung: “thanh toán lãi vay” nhưng không ghi rõ là thanh toán tiền lãi theo hợp đồng nào và thanh toán cho ai. Đồng thời, Công ty xác nhận không thay mặt cho ông K và bà Q trả lãi theo hợp đồng bà T đề cập. Ngoài ra, bị đơn ông K và Quang cũng không thừa nhận trả tiền lãi cho nguyên đơn thông qua Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô.

[4] Việc Công ty Cổ phần Phát triển TN chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Thùy T, với nội dung “thanh toán lãi vay”, là giao dịch riêng giữa Công ty Cổ phần Phát triển TN với bà Nguyễn Thị Thùy T. Giữa ông K, bà Q và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô, không có mối quan hệ gì với nhau. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án cũng như trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh Công ty Cổ phần Phát triển TN có liên quan đến việc giao dịch vay tài sản, giữa bà T với ông K và bà Q, về việc Công ty Cổ phần Phát triển TN trả lãi thay cho ông K và bà Q. Như vậy, không cần thiết phải đưa Công ty Cổ phần Phát triển TN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, với lý do, cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần Phát triển TN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Theo Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm, được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 013275, quyền số 03TP/CC ngày 25/7/2016, với nội dung: Bà Nguyễn Thị Thùy T cho ông Lê Quốc K và bà Tống Thị Q vay số tiền 2.300.000.000 đồng, việc giao nhận số tiền trên do hai bên thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên, thời hạn vay 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 8%/năm (bút lục số 29 – 32).

[6] Theo Hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 13422, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/7/2018, giữa bà Nguyễn Thị Thùy T với ông Lê Quốc K và bà Tống Thị Q với nội dung: Nguyên trước đây hai bên có ký Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/7/2016, số công chứng 013275, quyền số 03. Theo đó, bà T cho ông K và bà Q vay số tiền 2.300.000.000 đồng. Nay hai bên thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng nêu trên như sau: Sửa đổi Điều 2 của Hợp đồng vay tiền là thời hạn vay là 04 năm kể từ ngày công chứng hợp đồng vay (25/7/2016). Hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng vay tiền số 013275 ngày 25/7/2016. Các điều khoản khác của Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm số 013275 ngày 25/7/2016, không bị sửa đổi, bổ sung vẫn còn nguyên giá trị (bút lục số 33 – 36).

[7] Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 13/12/2021, người đại diện của nguyên đơn trình bày: ngay sau khi ký Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo

đảm ngày 25/7/2016, nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 2.300.000.000 đồng, tuy nhiên nguyên đơn đã làm thất lạc biên bản giao nhận tiền. Đồng thời, sau khi ký hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2016, thì đến ngày 17/7/2018 hai bên lại tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2016 với nội dung: gia hạn thời gian vay từ 2 năm lên 4 năm, kể từ ngày 25/7/2016, điều này chứng minh bị đơn thực tế nhận số tiền vay 2.300.000.000 đồng của nguyên đơn vì thực tế nhận tiền vay thì mới tiếp tục ký gia hạn thời gian vay.

[8] Bị đơn xác nhận giữa hai bên có ký Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2016, trong hợp đồng thể hiện: việc việc giao nhận số tiền vay do hai bên thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên và thực tế nguyên đơn chưa giao cho bị đơn số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, nên ngày 17/7/2018 hai bên lại tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2016 với nội dung: gia hạn thời gian vay từ 2 năm lên 4 năm, kể từ ngày 25/7/2016, nhưng nguyên đơn cũng giao tiền cho bị đơn.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định tiến hành đối chất trực tiếp giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng nguyên đơn không tham gia và có đơn đề nghị ngày 28/6/2022 (về việc không tiến hành đối chất và đưa vụ án ra xét xử).

[10] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày, bị đơn có trả 6 tháng tiền lãi đối với khoản tiền vay trên số tiền là 90.000.000 đồng thông qua Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô, sau đó nguyên đơn thay đổi lời khai xác nhận bị đơn có trả 8 tháng tiền lãi số tiền 120.000.000 đồng. Đồng thời, theo Sao kê tài khoản của Ngân hàng, thể hiện: Công ty Cổ phần Phát triển TN chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Thùy T, với nội dung ghi "thanh toán lãi vay" chứ không thể hiện thanh toán lãi vay cho khoản vay của ông K và bà Q, đồng thời ông K và bà Q cũng không thừa nhận việc Công ty Cổ phần Phát triển TN thay mặt ông K và bà Q trả thay số tiền lãi cho bà T. Phía Công ty Cổ phần Phát triển TN cũng có Văn bản trình bày ý kiến không thay mặt ông K và bà Q trả lãi cho bà T theo hợp đồng vay tiền giữa bà T với ông K và bà Q. Mặt khác, theo như trong Sao kê tài khoản của Ngân hàng Ngoại thương, thể hiện: tiền lãi bà T nhận là 8 tháng, mỗi tháng là 15.000.000 đồng, trong khi tiền lãi theo hợp đồng giữa: bà T với ông K và bà Q theo mức lãi suất 8%/năm, là 15.331.800 đồng/tháng và ngày đầu tiên mà bà T nhận tiền lãi từ Công ty Cổ phần Phát triển TN là ngày 19/5/2017, trong khi hợp đồng vay tiền giữa bà T với ông K và bà Q ký trước đó gần 1 năm là ngày 25/7/2016.

[11] Xét, nghĩa vụ giao tài sản là nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng vay theo quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn trình bày có giao cho ông K và bà Q số tiền 2.300.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà T có giao cho ông K và bà Q số tiền 2.300.000.000 đồng. Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng vay tiền ngày 17/7/2018 và Sao kê tài khoản của Ngân hàng Ngoại thương, về giao dịch giữa: Công ty Cổ phần Phát triển TN và bà T, không chứng minh được việc có giao nhận tiền giữa bà T với ông K và bà Q. Do đó, bà T ủy quyền cho bà Vân đại diện kháng cáo yêu cầu, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông K và bà Q trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2023 là 3.358.725.052 đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy T.
2. Giữ nguyên bản án số 112/2023/DS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - 2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm: Buộc ông Lê Quốc K và bà Tổng Thị Q trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/4/2023 số tiền là 3.358.725.052đ (ba tỷ ba trăm năm mươi tám triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm năm mươi hai đồng), trong đó: bao gồm nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính là 1.058.725.052 đồng, trả 1 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi thanh toán xong.
  - 2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.174.501đ (chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm lẻ một đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 47.768.190đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn một trăm chín mươi đồng) là tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0068469 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T còn phải nộp số tiền án phí là 51.406.311đ (năm mươi một triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn ba trăm mười một đồng).
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thùy T nộp theo biên lai thu số 0009144 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận T;
- TAND quận T;
- Các đương sự;
- Lưu (T/17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Tường**